

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 24-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đễ.

2. Ông Phạm Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2022/TLST-DS ngày 26/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông T và bà U; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh K và chị D; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà U, chị D có mặt. Anh K có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Anh K và chị D có vay tiền của ông T, bà U nhiều lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 12/5/2020 âm lịch vay 300.000.000 đồng, tiền lãi 6.000.000 đồng/tháng. Lần thứ hai vào ngày 22/5/2020 âm lịch anh K, chị D vay thêm 200.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000 đồng/tháng. Lần thứ ba vào ngày 25/6/2021 âm lịch anh K, chị D vay thêm 100.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng/tháng. Như vậy tổng cộng tiền vay là 600.000.000 đồng. Đóng lãi được đến ngày 12/9/2022 âm lịch.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 ông T, bà U yêu cầu anh K, chị D trả số nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến 12/11/2022 là 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 600.000.000 đồng, không yêu cầu số tiền lãi còn lại.

- *Bị đơn là chị D trình bày*: Thống nhất số nợ vay của ông T, bà U là 600.000.000 đồng. Chị D thống nhất yêu cầu của nguyên đơn, không yêu cầu xem xét tiền lãi đã đóng trước đây. Nhưng hiện nay anh K đang bị tạm giam nên không thể trả nợ được, khi nào anh K được tại ngoại sẽ bàn bạc xử lý tài sản trả nợ cho nguyên đơn.

- *Bị đơn là anh K vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai đề ngày 10/01/2023 anh K có trình bày*: Anh K bị công an bắt ngày 27/9/2022 nên không làm ra tiền, anh là lao động chính trong gia đình, hứa khi nào chấp hành án xong về bán nhà trả nợ.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh K có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh K và chị D cùng liên đới trả cho ông T, bà U số tiền gốc là 600.000.000 đồng. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi còn lại, bị đơn không yêu cầu xem xét tiền lãi đã đóng nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh K, chị D vay tiền của ông T, bà U và có tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Anh K có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh K có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Nội dung tranh chấp: Do chỗ quen biết nên ông T, bà U có cho anh K, chị D vay tiền nhiều lần để làm ăn, đến nay tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng. Anh K, chị D thừa nhận có vay số tiền này, đây là tình tiết, sự kiện có thật được các bên thừa nhận, đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do anh K bị bắt tạm giam, chị D không có thu nhập nên không có khả năng trả nợ. Anh K, chị D thống nhất trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng hiện nay anh K đang bị tạm giam, đợi anh K chấp hành án xong sẽ xử lý tài sản để trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn không thống nhất đợi anh K chấp hành án xong nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các bên. Xét thấy bị đơn thừa nhận số nợ và đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc anh K và chị D cùng liên đới trả cho ông T, bà U số tiền gốc 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi là tự nguyện và các bên không ai yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng trước đây nên Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi đến thời điểm xét xử.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 13, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành số nợ 600.000.000 đồng $\times 5\% = 28.000.000$ đồng.

Do bị đơn đang gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nên Hội đồng xét xử thống nhất cho bị đơn giảm 50% án phí. Như vậy bị đơn phải nộp án phí là 14.000.000 đồng.

Nguyên đơn không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.480.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 207, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 13, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của ông T và bà U về việc yêu cầu anh K và chị D trả tiền vay. Buộc anh K và chị D cùng liên đới trả cho ông T, bà U số tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh K và chị D phải chịu án phí sơ thẩm là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Hoàn trả cho ông T và bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.480.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001058 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Kiên Giang;
VKSND tỉnh Kiên Giang;
VKSND huyện An Minh;
Chi cục THADS huyện An Minh;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận